

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực
Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 778/QĐ-BNNMT ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 363/TTr-SNNMT ngày 09 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 07 thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Thanh Hóa (có Danh mục kèm theo)¹.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp huyện gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 26/5/2025.

¹ Tra cứu toàn bộ nội dung của TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực diêm nghiệp, chăn nuôi, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa.

Bãi bỏ toàn bộ nội dung tại Mục III phần A Danh mục kèm theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa.

Bãi bỏ toàn bộ nội dung tại Phần II Danh mục kèm theo Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Thủy lợi, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa.

Bãi bỏ toàn bộ nội dung tại Mục II phần A Danh mục kèm theo Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Thủy lợi, lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, HCKSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC
KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ TTHC trên Công DVC quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	Công nhận làng nghề truyền thống (1.003727.000.00.00.H56)	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn .	Không	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; - Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
2	Công nhận làng nghề (1.003695.000.00.00.H56)	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.
3	Công nhận nghề truyền thống (1.003712.000.00.00.H56)	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
4	Hỗ trợ dự án liên kết (1.003397.000.00.00.H56)	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập Hội đồng tổ chức thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Sở Nông		Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

		ng nghiệp và Môi trường có tờ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt. - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ đầu tư dự án liên kết được biết. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết.	tuyển (toàn trình) tại địa chỉ: http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn.		
5	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu (1.003524.000.00.00.H56)	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn	Chưa quy định	- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản

					phẩm hàng hóa; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.
6	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu (1.003486.000.00.00.H56)	- Đối với phương thức kiểm tra chặt: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với phương thức kiểm tra thông thường: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa). - Qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến (một phần) tại địa chỉ: http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn.	Chưa quy định	- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế; - Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng

					dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu. - Thông tư số 08/2021/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối (Natri clorua) thực phẩm và muối (Natri clorua) tinh.
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
1	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp huyện) (1.003434.000.00.00.H5)	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận được đủ hồ sơ, Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành lập hội đồng và tổ chức thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Phòng Nông nghiệp và Môi trường có tờ trình trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt. - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Phòng Nông nghiệp và Môi trường phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ đầu tư dự án liên kết được biết.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện. - Qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) tại địa chỉ: http://dichvucong.thanhhoa.gov.vn.	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

		- Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình của Phòng Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định phê duyệt hồ trợ dự án liên kết.			
--	--	---	--	--	--